

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28/02/2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con chung”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lưu Triều

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Việt Sáu

2. Bà Trịnh Thị Tuyết

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Biện Anh Huy – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa:** Bà Cao Thị Hường – Kiểm sát viên.

Vào hồi 08 giờ 00 phút, ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 830/2022/TLST-HNGĐ ngày 28/12/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/01/2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số 13/TB-TA ngày 10/02/2023 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bạch M, Sinh năm: 1986

Địa chỉ: khu phố Nà B, thị trấn Ma L, huyện Hàm Thuận B, tỉnh Bình Thuận

Bị đơn: Ông Trần Văn H – sinh năm: 1979

Địa chỉ: khu phố 4, phường Phú T, thành phố Phan T, tỉnh Bình Thuận

Bà M, ông H có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 12 năm 2022 nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Bạch M và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đều trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bạch M và ông Trần Văn H tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và đăng ký kết hôn nên được UBND phường Phú T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 77, quyền số 01/2004 ngày 01/11/2004.

Quá trình chung sống vợ chồng chỉ hạnh phúc được thời gian đầu. Nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng về tính tình cũng như quan điểm sống không hợp nhau, mâu thuẫn chính là cách cư xử cũng như mối quan hệ gia đình hai bên vì ông H nhậu về say xỉn chửi bới, đánh vợ con, làm ra tiền không phụ vợ nuôi gia đình mà còn đập phá đồ dùng trong nhà, dùng lời lẽ lăng mạ xúc phạm bà M nên từ đó vợ chồng mạnh ai nấy sống không còn quan tâm chăm sóc giúp đỡ và đã sống ly thân với nhau.

Nay bà M nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Bạch M, ông Trần Văn H có 02 con chung tên Trần Thanh Yên N – sinh ngày 13/3/2005 và Trần Ngọc Yên T – sinh ngày 18/4/2011. Cả 02 người con hiện nay đang sống với bà M nên sau khi ly hôn bà M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu ông H cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi người con là 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Bạch M và ông Trần Văn H chưa có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bạch M và ông Trần Văn H xác định không có nợ chung và không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 04 tháng 01 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông Trần Văn H đều trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Bạch M tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau như vợ chồng và đăng ký kết hôn nên được UBND phường Phú T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 77, quyền số 01/2004 ngày 01/11/2004.

Quá trình chung sống vợ chồng chỉ hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn như bà M trình bày là đúng sự thật vì ông H, bà M bất đồng về tính tình cũng như quan điểm sống, mâu thuẫn chính là cách cư xử và mối quan hệ gia đình hai bên do ông H hay nhậu về la mắng, đánh vợ con, không phụ vợ chăm sóc gia đình mà còn đập phá đồ dùng trong nhà, dùng lời lẽ lăng mạ xúc phạm bà M nên từ đó vợ chồng đã sống ly thân với nhau.

Nay bà M làm đơn ly hôn ông H không đồng ý vì ông vẫn còn thương bà M và ông H xin hứa bỏ nhậu, không la mắng vũ phu với vợ con nữa. Còn nếu Tòa án nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được thì đề nghị giải quyết ly hôn theo quy định pháp luật.

Về con chung: Ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị Bạch M có 02 con chung tên Trần Thanh Yên N – sinh ngày 13/3/2005 và Trần Ngọc Yên T – sinh ngày

18/4/2011. Cả 02 người con hiện đang sống với bà M nên sau khi ly hôn ông H đồng ý để bà M trực tiếp nuôi dưỡng và ông cấp tiền nuôi con chung cho bà M theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Bạch M không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự và nợ chung: Ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị Bạch M xác định không có nợ chung và không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, đồng thời chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bạch M được ly hôn ông Trần Văn H.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Thanh Yến N – sinh ngày 13/3/2005 và Trần Ngọc Yến T – sinh ngày 18/4/2011 cho bà Nguyễn Thị Bạch M trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trần Văn H cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bà Nguyễn Thị Bạch M mỗi người con 1.000.000 đồng/tháng, tổng cộng 02 người con là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Bạch M, ông Trần Văn H chưa có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bạch M, ông Trần Văn H xác định không có nợ chung và không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bạch M có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn ông Trần Văn H, ông H có nơi cư trú tại thành phố Phan T, tỉnh Bình Thuận nên đây là vụ án Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, theo quy định tại khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Nguyễn Thị Bạch M và ông Trần Văn H tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và đăng ký kết hôn nên được UBND phường Phú T, thành phố Phan T, tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn số 77, quyền số 01/2004, ngày 01/11/2004.

Quá trình chung sống vợ chồng chỉ hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng về tính tình cũng như quan điểm sống, mâu thuẫn chính là cách cư xử cũng như mối quan hệ gia đình hai bên vì ông H nhậu về chửi mắng, đánh vợ con, làm ra tiền không phụ chăm lo gia đình mà còn đập phá đồ dùng trong nhà, dùng lời lẽ lăng mạ xúc phạm bà M nên từ đó vợ chồng sống ly thân với nhau. Nay bà M nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông H.

Xét thấy, khoản 02 Điều 05 Luật hôn nhân và gia đình quy định cấm các hành vi: “Bạo lực gia đình” và Điều 02, Điều 08 Luật Phòng chống bạo lực gia đình quy định nghiêm cấm các hành vi: “Hành hạ, ngược đãi, hành hạ hoặc hành vi có ý đồ xâm phạm thân thể, tính mạng”.

Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.

Khoản 01 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã mở phiên họp và hòa giải để tạo điều kiện cho ông H và bà M trở về đoàn tụ với nhau nhưng bà M xác định không còn tình cảm với ông H vì hoàn cảnh gia đình đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc ông H có hành vi xâm phạm đến bà M cho thấy ông H không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ bà M nên đủ cơ sở nhận định tình trạng hôn nhân giữa bà M và ông H đã

mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tõø nhữõng lý do trên Hoài ñoàng xeùt xõu, thaáy việc bà M làm đơn yêu cầu ly hôn ông H là có căn cứ và đúng quy định pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Bạch M, ông Trần Văn H có 02 con chung tên Trần Thanh Yên N, sinh ngày 13/3/2005 và Trần Ngọc Yên T, sinh ngày 18/4/2011 đang được bà M trực tiếp nuôi dưỡng nên sau khi ly hôn bà M muốn được tiếp tục nuôi, tại Biên bản lấy lời khai và Biên bản hòa giải và tại phiên tòa ông H đều đồng ý để bà M được trực tiếp nuôi con.

Xét thấy, hiện nay các con đang được bà M trực tiếp nuôi dưỡng, bà M có nơi cư trú, công việc thu nhập ổn định và nếu cần có thể tự lo liệu cuộc sống cho con thì việc giao con cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng và ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo thỏa thuận tại Điều 81; Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng: Tại phiên Tòa bà M yêu cầu ông H cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bà M mỗi người con 1.000.000 đồng/tháng, tổng cộng 02 người con là 2.000.000 đồng/tháng, việc bà M yêu cầu ông H cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bà M mỗi người con 1.000.000 đồng/tháng là hoàn toàn tự nguyện không trái quy định pháp luật và nếu căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng và những chi phí hợp lý cho sinh hoạt của các cháu tại nơi cư trú là đảm bảo nhu cầu thiết yếu về cuộc sống vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu mức yêu cầu cấp dưỡng này theo thỏa thuận tại Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Bạch M, ông Trần Văn H chưa có yêu cầu giải quyết nên chưa xem xét.

Về nghĩa vụ dân sự và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bạch M, ông Trần Văn H xác định không có nợ chung và không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai nên chưa xem xét giải quyết.

[3] YÙ kieán Vieän kieám saùt nhaân daân thaønh phoá Phan Thieát: Ý kiến của Kiểm sát viên về trình tự thủ tục cũng như nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà M phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm và ông H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 233, Điều 262, Điều 264 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bạch M được ly hôn ông Trần Văn H.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Thanh Yến N, sinh ngày 13/3/2005 và Trần Ngọc Yến T, sinh ngày 18/4/2011 cho bà Nguyễn Thị Bạch M trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông H có quyền thăm nom con. Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con thì bà M có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con và ngược lại vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trần Văn H cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bà Nguyễn Thị Bạch M mỗi người con 1.000.000 đồng/tháng, tổng cộng 02 người con là 2.000.000 đồng/tháng, cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật cho tới khi con đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 467 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Bạch M, ông Trần Văn H chưa có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bạch M, ông Trần Văn H xác định không có nợ chung và không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Theo quy định tại khoản 04 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị Bạch M phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0014093 ngày 28/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết, bà Nguyễn Thị Bạch M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trần Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về quyền kháng cáo: Theo quy định tại khoản 01 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/02/2023) bà Nguyễn Thị Bạch M, ông Trần Văn H có quyền kháng cáo.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án:

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự, trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- Viện kiểm sát nhân dân Phan Thiết
- Thi hành án dân sự Phan Thiết
- Lưu

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

NGUYỄN LƯU TRIỀU